



CHƯƠNG III: CẬP NHẬT CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH

❖ MỤC TIÊU

- ❖ Nhận diện rõ sự khác nhau cơ bản khi thực hiện công tác hạch toán trên máy và kế toán thủ công
- ❖ Tăng cường khả năng hiểu biết về chức năng, nhiệm vụ của từng phân hệ kế toán và các thao tác trên các phần mềm kế toán nhằm thực hiện công tác hạch toán tại các doanh nghiệp
- ❖ Giúp sinh viên thực hành thành thạo phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING để theo dõi các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp

❖ SỐ TIẾT: 15



TÀI LIỆU THAM KHẢO

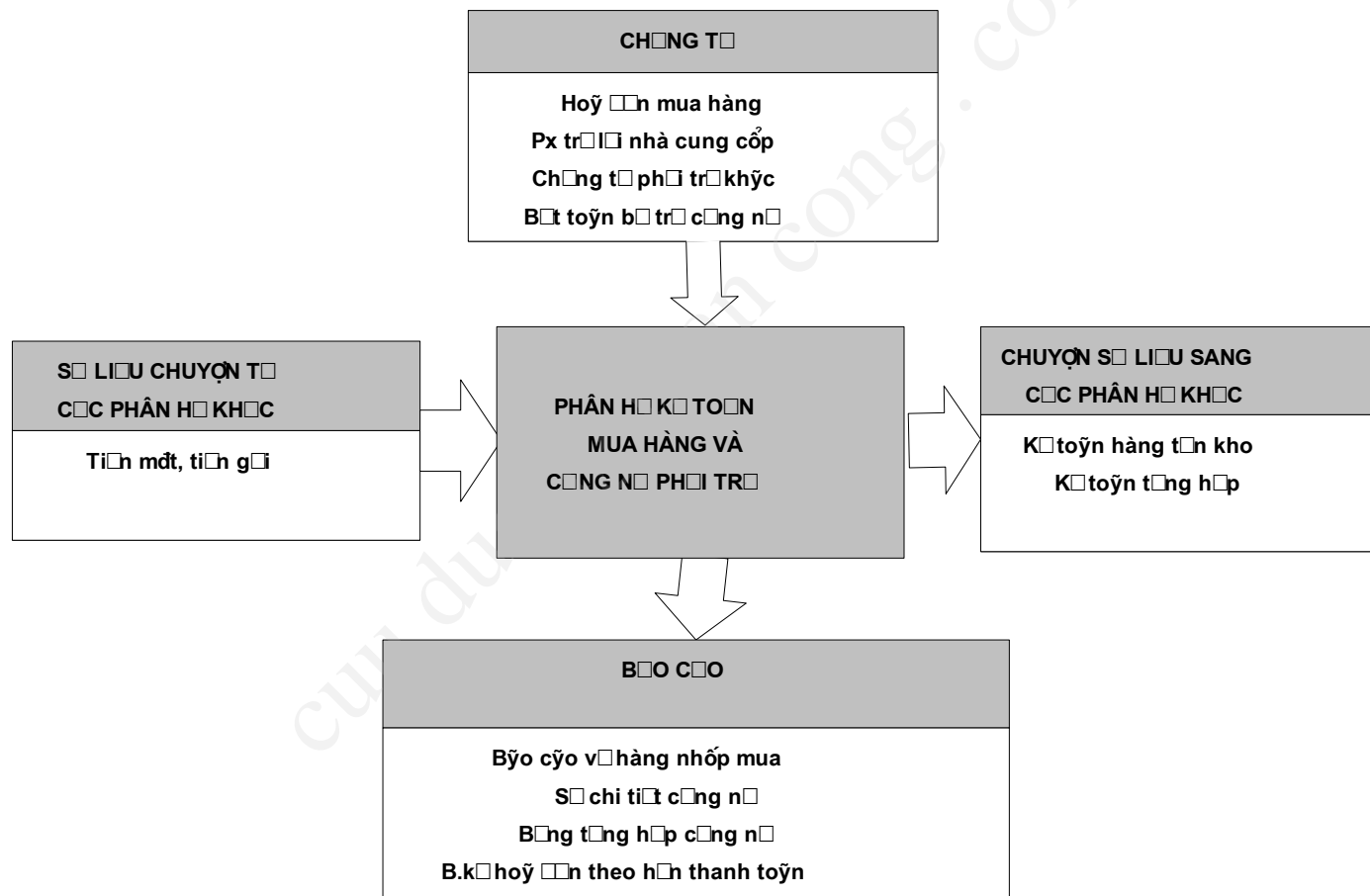
- ❖ PGS.TS Nguyễn Văn Công, 2004, Vận dụng chuẩn mực kế toán mới vào các phân hành kế toán doanh nghiệp.
- ❖ TS.Trần Thị Song Minh, 2005, Chương III: Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING trong Giáo trình kế toán máy, Trang 85 - 216, NXB Lao động-Xã hội
- ❖ Công ty tài chính kế toán FAST, 2005, Hướng dẫn thực hành phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING
- ❖ Công ty tài chính kế toán FAST, 2005, Số liệu thực hành phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING



Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

- ❖ **Nhiệm vụ của kế toán mua hàng và công nợ phải trả**
 - ❖ Theo dõi tổng hợp và chi tiết hàng mua vào theo mặt hàng, nhà cung cấp và hợp đồng.
 - ❖ Tính thuế GTGT của hàng hoá mua vào.
 - ❖ Theo dõi các khoản phải trả, tình hình trả tiền và tình trạng phải trả cho các nhà cung cấp.
 - ❖ Cập nhật các phiếu nhập: nội địa, nhập khẩu, chi phí mua hàng, hoá đơn mua dịch vụ.
 - ❖ Cập nhật các phiếu xuất trả lại nhà cung cấp.
 - ❖ Cập nhật các chứng từ phải thu khác và chứng từ bù trừ công nợ.
 - ❖ Theo dõi theo VNĐ và ngoại tệ
 - ❖ Liên kết số liệu với phân hệ khác

Sơ đồ tổ chức của phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả





Trình tự cập nhật nghiệp vụ mua hàng và công nợ phải trả

❖ Cập nhật chứng từ đầu vào

- ❖ Phiếu nhập mua hàng
- ❖ Phiếu nhập khẩu
- ❖ Phiếu nhập chi phí mua hàng
- ❖ Phiếu xuất trả lại nhà cung cấp
- ❖ Phiếu nhập xuất thẳng
- ❖ Hóa đơn mua hàng (dịch vụ)
- ❖ Phiếu thanh toán tạm ứng
- ❖ Phiếu ghi nợ, ghi có tài khoản công nợ
- ❖ Chứng từ bù trừ công nợ



Trình tự cập nhật nghiệp vụ mua hàng và công nợ phải trả

- ❖ Cập nhật phiếu nhập mua hàng và phiếu nhập khẩu
 - ✧ Liên quan đến hạch toán tài khoản nợ (tài khoản vật tư)
 - ✧ Thuế GTGT được khấu trừ
- ❖ Cách thức cập nhật chi phí mua hàng
 - ✧ Được tính riêng và cộng vào giá vốn
 - ✧ Tổng chi phí mua hàng được nhập cùng với phiếu nhập mua
 - ✧ Chi phí mua hàng được nhập riêng như một chứng từ nhập mua



Kế toán TSCĐ

❖ Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ

- ✧ Ghi chép, tổng hợp chính xác, kịp thời số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng TSCĐ trong phạm vi toàn đơn vị



Hạch toán các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ

❖ *Hạch toán tăng TSCĐ*

✧ Chứng từ, thủ tục hạch toán tăng TSCĐ

- ± Biên bản giao nhận TSCĐ” (Mẫu 01-TSCĐ)
- ± Hợp đồng, hoá đơn mua TSCĐ và các chứng từ khác liên quan

✧ Phần hành kế toán TSCĐ trên máy

- ± Theo dõi biến động cả về mặt số lượng và giá trị TSCĐ
- ± Các loại chứng từ dùng hạch toán TSCĐ tương tự như kế toán thủ công
- ± Quá trình ghi chép xử lý được thực hiện một cách tự động trên máy với nguyên tắc lưu trữ một lần.



Hạch toán các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ

❖ *Hạch toán giảm TSCĐ*

- ❖ Chứng từ, thủ tục và hạch toán chi tiết giảm TSCĐ
 - ± Biên bản thanh lý TSCĐ (mẫu 03-TSCĐ),
 - ± Quyết định và biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng mua bán TSCĐ...
- ❖ Hạch toán tổng hợp giảm TSCĐ hữu hình
 - ± Trường hợp TSCĐ dùng cho sản xuất kinh doanh
 - ± Trường hợp TSCĐ dùng cho nhu cầu văn hoá, phúc lợi



Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm

- ❖ Các trường hợp tính giá thành
 - ❖ Giá thành công trình xây lắp
 - ❖ Giá thành sản phẩm sản xuất liên tục
 - ❖ Giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn đặt hàng
- ❖ Kế toán chi phí & tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục
 - ❖ Nhiệm vụ
 - ± Căn cứ đặc điểm tính chất quy trình công nghệ, tổ chức sản xuất, đặc điểm sản phẩm và đơn vị tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp để xác định đối tượng và phương pháp tính giá thành thích hợp.
 - ± Ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời mọi chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm

Khai báo thông tin để tính giá thành sản phẩm

1.A. DANH MỤC TỪ ĐIỂN BỘ PHẬN HẠCH TOÁN (dây chuyền, bộ phận sản xuất)		Chọn “Hệ thống\ Danh mục từ điển và tham số tùy chọn\ Danh mục bộ phận hạch toán”
<i>Mã BPHT</i>	<i>Tên BPHT</i>	
PXA	Phân xưởng A	
PXB	Phân xưởng B	
2.A. DANH MỤC PHÂN NHÓM YẾU TỐ CHI PHÍ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM		Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dỡ dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Danh mục phân nhóm yếu tố chi phí tính giá thành sản phẩm”
<i>Mã nhóm YTCP</i>	Tên nhóm YTCP	
01	Chi phí NVL	
02	Chi phí nhân công	
03	Chi phí sản xuất chung	

Khai báo thông tin để tính giá thành sản phẩm

3.A. DANH MỤC YẾU TỐ CHI PHÍ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM				Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Danh mục yếu tố chi phí tính giá thành sản phẩm”
Mã YTCP	Tên YTCP	Mã nhóm YTCP	TK Nợ	
ANVL	CP NVL PXA	01	621 PXA	
ANCONG	CP NC PXA	02	622 PXA	
ACPC1	CP NV PXA	03	627 PXA	
4.A. NHẬP ĐỊNH MỨC NVL (Chi tiết cho từng PX, chi tiết đến từng sản phẩm) PXA- SPA				Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Nhập định mức NVL”
Mã NVL		Định mức kế hoạch		
VLC1		10		
VLC2		10		
VLP1		10		
CLP2		10		

Khai báo thông tin để tính giá thành sản phẩm

5.A. KHAI BÁO TK PHÂN BỐ THEO HỆ THỐNG

Mục đích: Nhập hệ số dùng để phân bổ CP nhân công 622PXA hay chi phí chung 627xPXA cho các sản phẩm SPA và SPB trong PXA từ bàn phím

Mã BPHT: PXA

TK có: 622 PXA (CPNC trực tiếp PXA)

(Tương tự: 6271PXA, 6272PXA, 6273 PXA, 6274PXA, 6277PXA, 6278PXA)

Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Khai báo TK phân bổ theo hệ số”

TK Nợ	Mã SP	Hệ Số
154PXA	SPA	1200
154PXB	SPB	1300

6.A. KHAI BÁO TK PHÂN BỐ THEO NVL

Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Khai báo TK phân bổ theo NVL”

Cập nhật thông tin đầu (số lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ)

Thông tin cần cập nhật				Cách thực hiện
1.B. SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM DỞ DANG ĐẦU KỲ Khai báo năm:2005 Yêu cầu: <i>Chi tiết đến từng BPHT, chi tiết đến từng SP</i>				Chọn “KT Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật số lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ” Chú ý: Vẫn phải cập nhật số dư đầu kỳ của các TK 154PXA và 154PXB theo danh mục TK
<i>BPHT</i>	<i>Mã SP</i>	<i>SL dd</i>	<i>Tiền dd</i>	
PXA	SPA	500	22500000	
PXB	SPB	200	15000000	
2.B. CẬP NHẬT NVL DỞ DANG ĐẦU KỲ Khai báo năm:2005 Yêu cầu: <i>Chi tiết đến từng BPHT, chi tiết đến từng SP, Chi tiết đến từng loại NVL</i>				Chọn: KT Chi phí và tính giá thành\Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật NVL dở dang đầu kỳ” Chú ý: Vẫn phải cập nhật số dư đầu kỳ của các TK 152x theo danh mục TK
<i>BPHT</i>	<i>Mã SP</i>	<i>Mã NVL</i>	<i>Tiền dở dang</i>	
PXA	SPA	VLC1	5000000	
PXA	SPA	VLC2	10000000	
PXA	SPA	VLP1	2500000	
PXA	SPA	VLP2	5000000	



Cập nhật thông tin đầu (số lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ)

3.B. SẢN PHẨM DỞ DANG ĐẦU KỲ THEO YẾU TỐ CHI PHÍ

Khai báo năm: 2005

Yêu cầu: *Chi tiết đến từng BPHT, chi
tiết đến từng SP, chi tiết đến từng
yếu tố chi phí*

Chọn “Chi phí và tính giá thành\
Khai báo sản phẩm và dở dang đầu
kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\
Cập nhật sản phẩm dở dang đầu kỳ theo
yếu tố chi phí”

BPHT	Mã SP	Mã yếu tố CP	Tiền
PXA	SPA	ANVL	22500000
PXB	SPB	ANVL	15000000

Quy trình tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục

Công việc cần thực hiện				Cách thực hiện
1.C. CẬP NHẬT SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM DỞ DANG CUỐI KỲ Khai báo tháng: 1; Năm:2005 Yêu cầu: <i>Chi tiết đến từng BPHT, chi tiết đến từng SP</i>				Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ” <u>Chú ý:</u> SL SP dở dang cuối kỳ được đánh giá theo tỷ lệ hoàn thành là 100%
BPHT	MA SP	SLDD	Tiền DD	
PXA	SPA	250	11250000	
PXA	SPB	180	13500000	

Quy trình tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục

2.C. CẬP NHẬT NVL DỞ DANG CUỐI KỲ Khai báo năm: 2005 Yêu cầu: <i>Chi tiết đến từng BPHT, chi tiết đến từng SP, chi tiết đến từng loại NVL</i>				Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang\ dangdau kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật NVL dở dang cuối kỳ”
BPHT	Mã SP	Mã NVL	Tiền dở dang	
PXA	SPA	VLC1	xxxxxxx	
PXA	SPA	VLC2	xxxxxxx	
PXA	SPA	VLP1	xxxxxxx	
PXA	SPA	VLP2	xxxxxxx	
3.C. TÍNH VÀ ÁP GIÁ XUẤT KHO NVL, CC DC <i>Mục đích: Tập hợp CP NVL, CP sản xuất chung</i>				Chọn “Kế toán hàng tồn kho\ cập nhật số liệu\ Tính giá trung bình” <u>Chú ý:</u> Để lên bảng giá trung bình của 1 tháng chọn “Kế toán hàng tồn kho\ Báo cáo hàng tồn kho\ Bảng giá TB tháng”

Quy trình tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục

4.C. KẾT CHUYỂN CHI PHÍ NVL TRỰC TIẾP (621->154)					Dùng bút toán KC tự động trong phân hệ KT tổng hợp.
5.C. TÍNH SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM SẢN XUẤT TRONG KỲ <i>Mục đích:</i> Làm cơ sở tính số lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ (dùng làm hệ số phân bổ CPNVL cho các sản phẩm bên cạnh định mức NVL dành cho mỗi sản phẩm đó) <i>Khai báo tháng, năm và BPHT cho các sản phẩm cần tính SLSP nhập kho</i>					Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Tính số lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ” (Tổng hợp từ các phiếu nhập kho TP) (SL-sx=SL-ck+SL-nk-SL-dk)
Ma - SP	SL-dk	SL-sx	SL-ck	SL-nk	
SPA	500 (1.b)	1250	250 (1.c)	1500 (Phiếu nhập kho TP)	



Quy trình tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục

<p>6.C. TẬP HỢP VÀ PHÂN BỐ CHI PHÍ NVL</p> <p><i>Khai báo tháng, năm, và BPHT cho các sản phẩm cần phân bổ CP NVL</i></p> <p><u>Mục đích</u>: Phân bổ CP NVL (chi tiết đến từng loại NVL) cho các sản phẩm trong PXA làm cơ sở tính tổng CP NVL cho từng loại sản phẩm. Ví dụ chi phí VLC2 cho 2 sản phẩm SPA và SPB của PXA là 48600000 sau khi phân bổ SPA: 25000000; SPB:23600000</p>	<p>Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Tổng hợp và phân bổ chi phí NVL”</p>
<p>7.C. PHÂN BỐ CHI PHÍ NHÂN CÔNG VÀ CHI PHÍ CHUNG</p> <p><u>Mục đích</u>: Phân bổ CP nhân công (622PXA) và CP chung (627xPXA) cho các sản phẩm trong PXA theo hệ số phân bổ CP nhân công CP chung được khai báo trước đo (5.a)</p>	<p>Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Phân bổ chi phí theo hệ số NVL”</p>



Quy trình tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục

8.C. TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM <i>Khai báo tháng, năm và BPHT cho các sản phẩm cần tính giá thành</i> <i>Mục đích:</i> Tính giá thành đơn vị sản phẩm sau khi xác định tổng giá thành SP hoàn thành trong kỳ và số lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ.	Chọn “KT Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ tính giá thành sản phẩm”
9.C. CẬP NHẬT PHIẾU CHO CÁC PHIẾU NHẬP KHO THÀNH PHẨM <i>Mục đích:</i> Áp giá thành phẩm tính được ở 8.C vào đơn giá nhập thành phẩm trong các phiếu nhập kho thành phẩm đã cập nhật trước đó mà mục đơn giá nhập kho còn tạm để trống.	Chọn “KT Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật giá cho các phiếu nhập kho thành phẩm”
10.C. CẬP NHẬT GIÁ CHO CÁC PHIẾU XUẤT KHO THÀNH PHẨM (GIÁ TRUNG BÌNH TB)	Chọn “Hàng tồn kho\ Cập nhật số liệu\ Tính giá trung bình”

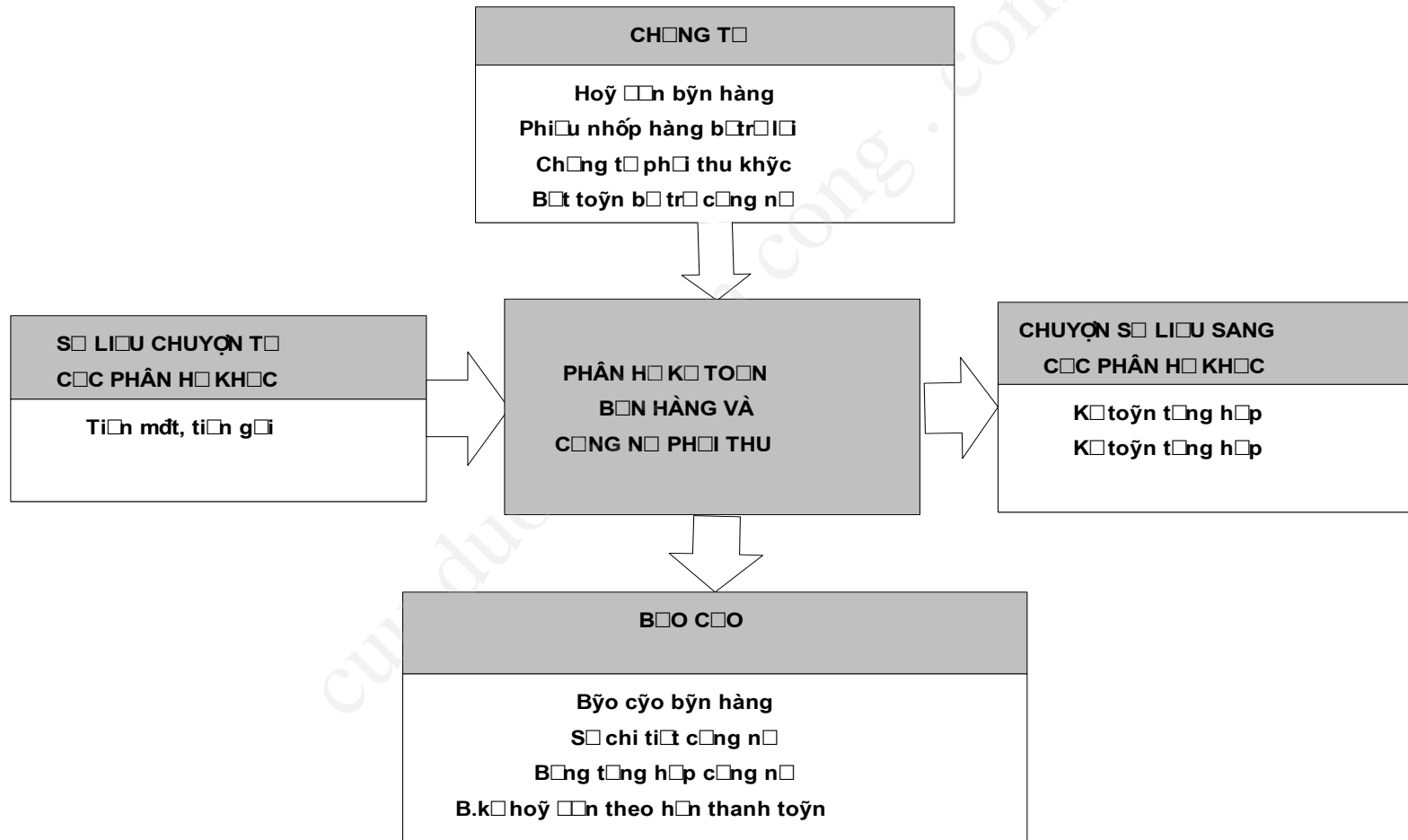


Kế toán bán hàng và công nợ phải thu

❖ **Nhiệm vụ**

- ❖ Cập nhật các hoá đơn bán hàng, bao gồm hoá đơn bán hàng hoá và hoá đơn bán dịch vụ.
- ❖ Cập nhật danh mục giá bán của hàng hoá.
- ❖ Cập nhật các phiếu nhập hàng bán bị trả lại và dịch vụ bị trả lại.
- ❖ Cập nhật các hóa đơn giảm giá, bao gồm giảm giá dịch vụ và giảm giá hàng bán.
- ❖ Cập nhật các chứng từ ghi nợ, ghi có, bù trừ công nợ.
- ❖ Theo dõi tổng hợp và chi tiết hàng bán ra.
- ❖ Theo dõi giá vốn, doanh thu, lợi nhuận theo từng mặt hàng, nhóm hàng.
- ❖ Theo dõi bán hàng theo bộ phận, cửa hàng, nhân viên bán hàng, theo hợp đồng.
- ❖ Tính thuế GTGT của hàng hoá bán ra.
- ❖ Theo dõi các khoản phải thu, tình hình thu tiền và tình trạng công nợ của khách hàng.
- ❖ Liên kết số liệu với phân hệ kế toán khác.

Phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu





Kế toán bán hàng và công nợ phải thu

- ❖ Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho
 - ❖ Chương trình sẽ xử lý cả 2 nghiệp vụ: bán hàng và xuất hàng từ kho
 - ❖ Liên quan đến hạch toán tài khoản vật tư (tài khoản hàng tồn kho), tài khoản doanh thu, tài khoản giá vốn, tài khoản thuế
 - ❖ Các thông tin liên quan đến hóa đơn và khách hàng sẽ được chuyển vào bảng kê hóa đơn đầu ra.
 - ❖ Giá bán của mặt hàng
 - ❖ Chương trình cho phép sửa lại định khoản thuế, số tiền thuế.
 - ❖ Tỷ lệ chiết khấu và số tiền chiết khấu
- ❖ Một số vấn đề liên quan đến quản lý bán hàng
 - ❖ Lưu giá bán lần cuối của từng mặt hàng, tự động gán giá vào trường giá bán
 - ❖ Có thể sửa theo yêu cầu đặc thù của doanh nghiệp.
 - ❖ Cho phép nhập số tiền chiết khấu và tài khoản hạch toán chiết khấu bán hàng.
 - ❖ Chiết khấu bán hàng và chiết khấu thanh toán



Kế toán vốn bằng tiền

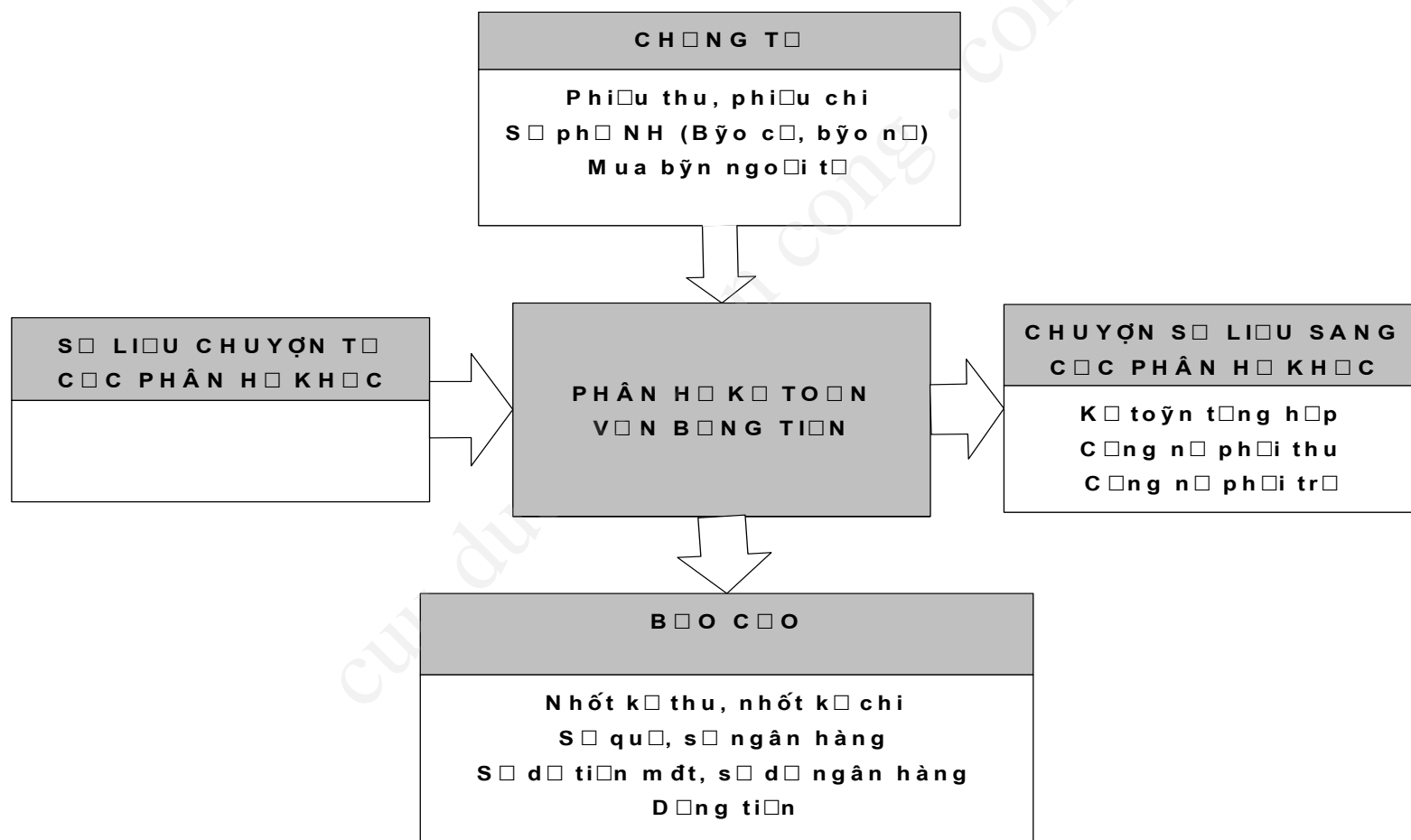
❖ ***Nhiệm vụ***

- ❖ Phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác số hiện có và tình hình biến động tăng hoặc giảm hàng ngày của tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng,....
- ❖ Giám đốc chặt chẽ việc chấp hành chế độ thu, chi, quản lý tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (TGNH), quản lý ngoại tệ, vàng bạc, đá quý

❖ ***Hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến vốn bằng tiền***

- ❖ Nguyên tắc lưu trữ một lần
- ❖ Xem, sửa, in chứng từ, đối chiếu chứng từ gốc

Phân hệ kế toán vốn bằng tiền

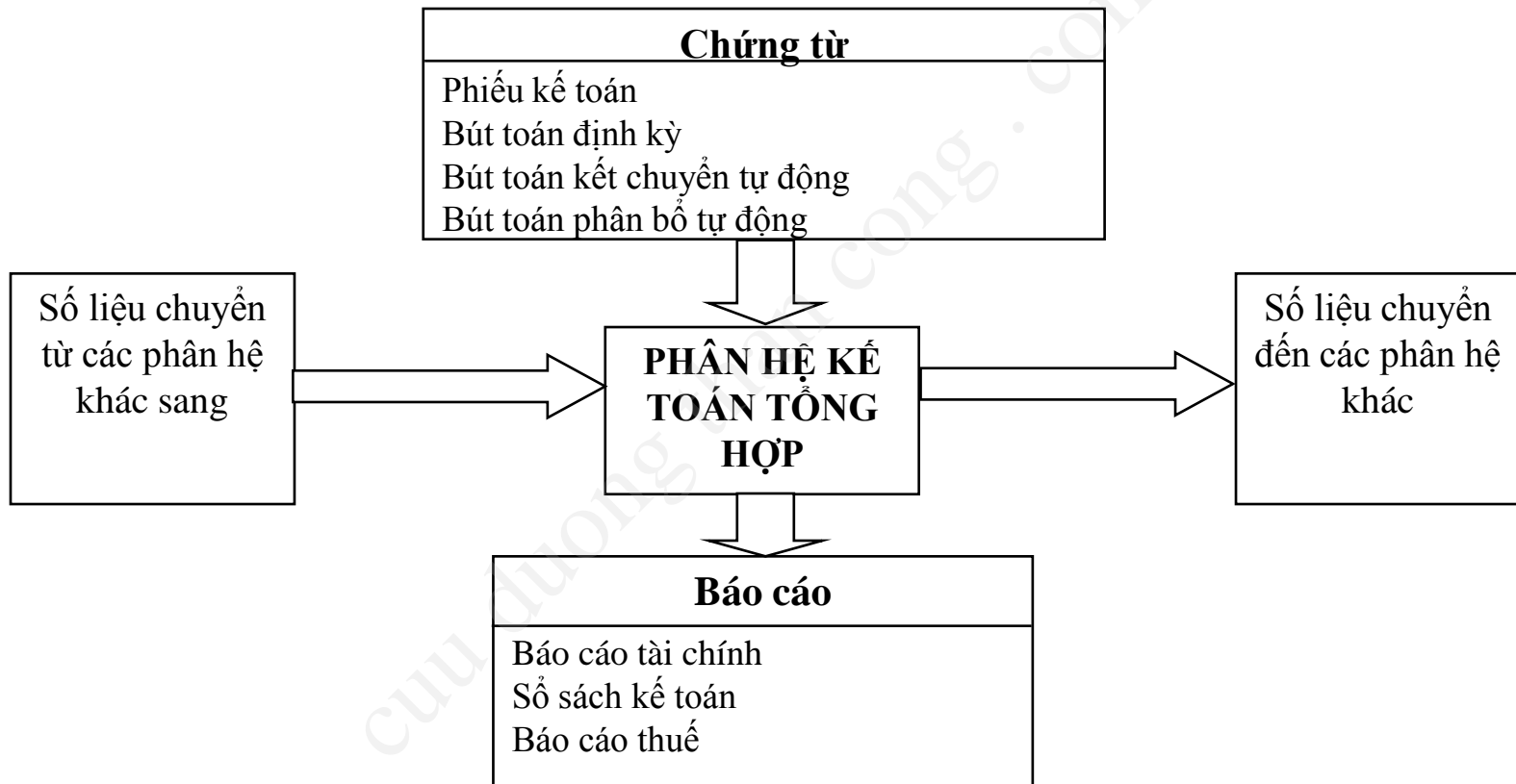




Phân loại phiếu thu

- ❖ Thu tiền chi tiết theo từng hóa đơn (loại phiếu thu bằng 1)
- ❖ Thu tiền của một khách hàng (loại phiếu thu bằng 2)
- ❖ Thu tiền của nhiều khách hàng (loại phiếu thu bằng 3)
- ❖ Nhận (thu) tiền đi vay (loại phiếu thu bằng 4)
- ❖ Chuyển tiền ngoại tệ (loại phiếu thu bằng 5)
- ❖ Mua ngoại tệ (loại phiếu thu bằng 6)
- ❖ Người mua trả tiền trước (loại phiếu thu bằng 7)
- ❖ Thu khác (loại phiếu thu bằng 9)

Kế toán tổng hợp





CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG III

1. Hãy so sánh sự khác nhau, giống nhau khi tiến hành công tác kế toán tài sản cố định, kế toán vốn bằng tiền theo phương pháp thủ công và kế toán máy
2. Trình bày chức năng và các thao tác cập nhật số liệu trong phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả
3. Trình bày chức năng và các thao tác cập nhật số liệu trong phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu
4. Trình bày chức năng và các thao tác cập nhật số liệu trong phân hệ kế toán vốn bằng tiền
5. Chứng từ trùng và vấn đề khử trùng trong FAST ACCOUNTING



BÀI TẬP THỰC HÀNH CHƯƠNG III

cuu duong than cong . com